

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2026/HS-ST

Ngày: 29-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Anh

Thẩm phán: Ông Trần Hoài Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Ngọc Đăng

Ông Đặng Công Thắng

Bà Đặng Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Văn Linh – Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Lê Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2026/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Th, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983 tại thành phố Đà Nẵng; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: tổ 03, phường S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Ngọc Ph và bà Võ Thị H; có vợ là Ngô Thị T, sinh năm 1982 và 03 con (lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

- Ngày 21 tháng 7 năm 2022, bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 54/2022/HS-ST.

- Ngày 12 tháng 12 năm 2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 17 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 129/2024/HS-ST.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam An Điền, Cục C10 – Bộ Công an (có mặt).

- **Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo:** ông Trần Văn Đ - Luật sư của Công ty luật TNHH MN L, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: tầng 6 Tòa nhà D, 02 đường A, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- **Bị hại:** ông Lê Văn S, sinh năm 1990; địa chỉ: số 06 đường L, phường S, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt có lý do

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969; địa chỉ: số 06 đường C, phường S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

2/ Ông Trần Xuân Q, sinh năm 1990; địa chỉ: số 20 Lê Bá Tr, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2020, anh Lê Văn S (sinh năm: 1990; trú: số 06 L, phường S, thành phố Đà Nẵng) và Trần Xuân Q (sinh năm: 1990; HKTT: số 20 Lê Bá Tr, phường H, thành phố Đà Nẵng) mua thửa đất số 30/b, tờ bản đồ số 12 tại thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ) của ông Nguyễn Văn L (sinh năm: 1957; trú: thôn T, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam; hiện nay là phường Đ, TP Đà Nẵng).

Lúc này, anh S có nhu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với thửa đất trên từ đất trồng cây hàng năm sang đất ở và tách thửa nhưng không biết làm thủ tục nên liên hệ Nguyễn Văn Th (sinh năm: 1983; HKTT: tổ 3, phường S, TP Đà Nẵng) nhờ làm các thủ tục trên. Nguyễn Văn Th không có khả năng thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhưng do cần tiền tiêu xài cá nhân nên nói dối anh S nhận làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất với chi phí là 1.600.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm triệu đồng), bao gồm tiền công và các loại thuế, trung phí. Anh S nghe Th nói vậy thì tin tưởng, đồng ý giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tiền cho Th để thực hiện.

Vào ngày 26 tháng 12 năm 2020, anh Lê Văn S đã đưa số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) cho Nguyễn Văn Th để đi làm thủ tục đất đai và yêu cầu phải lập giấy tờ thỏa thuận ghi nhận việc Th nhận tiền của anh S để làm thủ tục đất đai, đồng thời phải có người thân trong gia đình Th xác nhận. Th gọi điện thoại cho anh trai là Nguyễn Văn Đ (sinh năm: 1969; HKTT: số 06 Cổ Mân 8, phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng) nhờ anh Đ cho dẫn về nhà anh Đ làm giấy thỏa thuận thì anh Đ đồng ý.

Tại nhà anh Đ, Th và S lập một văn bản thỏa thuận về việc Th nhận số tiền 600.000.000 đồng của anh S để làm thủ tục đất đai, có sự chứng kiến và tờ xác nhận của Nguyễn Văn Đ và Trần Xuân Q. Anh Q đã chụp hình ghi nhận việc lập giấy thỏa thuận.

Từ ngày 26 tháng 12 năm 2020 đến ngày 30 tháng 01 năm 2021, Nguyễn Văn Th nhiều lần nói dối việc làm thủ tục đất đai và yêu cầu anh S tiếp tục đưa thêm tiền với tổng số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Đến ngày 30 tháng 01 năm 2021, anh S yêu cầu Th tiếp tục lập biên bản thỏa thuận ghi nhận tổng số tiền đã nhận. Th hẹn S và Q gặp nhau tại một quán cà phê trên đường Nguyễn Thị Định, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (cũ) để lập biên bản thỏa thuận.

Tại quán cà phê, Th và S lập một giấy thỏa thuận ghi nhận việc Th đã nhận tổng cộng 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) từ anh S để làm thủ tục đất đai. Anh S yêu cầu phải có người thân của Th cùng ký xác nhận nên Th gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn Đ đến quán, nhờ anh Đ ký làm chứng vào tờ giấy thỏa thuận. Anh Đ đồng ý ký vào giấy rồi đi về. Sau đó, Th giao lại giấy thỏa thuận cho anh S.

Đến ngày 07 tháng 10 năm 2021, Nguyễn Văn Th tiếp tục nói dối, yêu cầu anh Lê Văn S đưa thêm số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) để làm thủ tục giấy tờ và hứa hẹn sẽ thực hiện xong yêu cầu cho anh S. Anh S đồng ý và yêu cầu đến nhà anh Nguyễn Văn Đ để giao tiền và làm giấy thỏa thuận.

Tại nhà anh Đ, Th và S lập giấy thỏa thuận về việc Th nhận thêm số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), nâng tổng số tiền đã nhận lên 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) để làm thủ tục đất đai cho anh S. Th nhờ anh Đ ký làm chứng để ứng thêm tiền đi làm cho xong thủ tục đất đai cho anh S thì anh Đ đồng ý ký vào biên bản thỏa thuận. Sau khi lập xong biên bản thỏa thuận, anh S để số tiền 200.000.000 đồng lên bàn, Th giao lại giấy thỏa thuận cho anh S, sau đó cất số tiền 200.000.000 đồng vào túi rồi tất cả đi về.

Nguyễn Văn Th đã sử dụng toàn bộ số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) chiếm đoạt của anh S để tiêu xài cá nhân, không thực hiện bất cứ công việc gì theo thỏa thuận với anh S.

Đến năm 2022, do quá thời hạn thỏa thuận mà Nguyễn Văn Th chưa thực hiện nên anh Lê Văn S nhiều lần yêu cầu Th trả lại số tiền đã đưa. Th đã liên hệ đưa số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) cho anh Trần Xuân Q để trả lại cho anh S; anh Q đã giao lại số tiền này cho anh S.

Kết luận giám định số 1105/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng xác định: Chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Văn Th trên mẫu cần giám định là văn bản thỏa thuận về việc làm giấy tờ nhà đất ngày 26 tháng 12 năm 2020

giữa Lê Văn S và Nguyễn Văn Th và văn bản thỏa thuận về việc làm giấy tờ nhà đất ngày 30 tháng 01 năm 2021 giữa Lê Văn S và Nguyễn Văn Th so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Văn Th trên các mẫu so sánh (Bản tường trình, Biên bản ghi lời khai, bảng mẫu chữ ký của Nguyễn Văn Th) là do cùng một người viết, ký ra.

Tại Công văn số 02/CNVPĐKĐĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VII – TP Đà Nẵng cung cấp: từ năm 2020 đến nay, thửa đất số 30/b, tờ bản đồ số 12 tại thôn Thái Cẩm, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam chưa thực hiện thủ tục tách thửa. Đến ngày 21 tháng 3 năm 2024, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn thể hiện mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng năm khác.

*** Về vật chứng:**

- 01 văn bản thỏa thuận về việc làm giấy tờ nhà đất ngày 26 tháng 12 năm 2020 giữa Lê Văn S và Nguyễn Văn Th.

- 01 văn bản thỏa thuận về việc làm giấy tờ nhà đất ngày 30 tháng 01 năm 2021 giữa Lê Văn S và Nguyễn Văn Th.

- 01 bản phô tô văn bản thỏa thuận về việc làm giấy tờ nhà đất ngày 07 tháng 10 năm 2021 giữa Lê Văn S và Nguyễn Văn Th.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKS-P2 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn Th từ 12 năm đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 17 (mười bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 129/2024/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

** Về trách nhiệm dân sự:* đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) cho anh Lê Văn S.

** Về xử lý vật chứng:* đề nghị tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án văn bản thỏa thuận về việc làm giấy tờ nhà đất ngày 26 tháng 12 năm 2020, văn bản thỏa thuận về việc làm giấy tờ nhà đất ngày 30 tháng 01 năm 2021 và bản phô tô văn bản thỏa

thuận về việc làm giấy tờ nhà đất ngày 07 tháng 10 năm 2021 giữa Lê Văn S và Nguyễn Văn Th.

** Người bào chữa cho bị cáo trình bày:* Thông nhất về tội danh, điều khoản Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, tuy nhiên về mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là nặng. Vì hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo mới nảy sinh việc lừa đảo; nếu hành vi này được xử lý cùng lúc với vụ án trước thì bị cáo sẽ hưởng mức án nhẹ hơn; ngoài ra gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ bị bệnh hiểm nghèo. Từ những tình tiết trên, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi lượng hình cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Th thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt đã yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để khẳng định:

[1] Từ năm 2020 đến ngày 07 tháng 10 năm 2021, Nguyễn Văn Th biết rõ bản thân không có khả năng thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất và tách thửa đối với thửa đất số 30/b, tờ bản đồ số 12 tại thôn T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (cũ) cho anh Lê Văn S nhưng vẫn cố ý đưa ra thông tin gian dối về việc có khả năng thực hiện nhằm làm cho anh S tin tưởng, giao cho Th tổng số tiền 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng), sau đó chiếm đoạt, sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

[2] Bị cáo đã sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của bị hại, số tiền chiếm đoạt trên 500.000.000 đồng nên đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng số 09/CT-VKS-P2 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án và nhân thân của bị cáo: hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần bị Tòa án xét xử, cụ thể: ngày 21 tháng 7 năm 2022, bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xử phạt 12 tháng tù nhưng

cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” tại Bản án số 54/2022/HS-ST; ngày 12 tháng 12 năm 2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 17 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 129/2024/HS-ST. Do bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này trước thời điểm xét xử 02 vụ án trên, do đó 02 bản án trên được xác định không phải là tiền án của bị cáo. Tuy nhiên, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo đã nhiều lần thực hiện thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của bị hại, do đó cần áp dụng tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục số tiền 100.000.000 đồng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng khi lượng hình.

[6] Về trách nhiệm dân sự: bị cáo chiếm đoạt tổng cộng số tiền 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng), bị cáo đã bồi thường 100.000.000 đồng, bị hại yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 1.000.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với các vật chứng gồm văn bản thỏa thuận về việc làm giấy tờ nhà đất ngày 26 tháng 12 năm 2020, văn bản thỏa thuận về việc làm giấy tờ nhà đất ngày 30 tháng 01 năm 2021 và bản phô tô văn bản thỏa thuận về việc làm giấy tờ nhà đất ngày 07 tháng 10 năm 2021 giữa Lê Văn S và Nguyễn Văn Th là các tài liệu, chứng cứ chứng minh tội phạm nên cần được tiếp tục lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

[8] Những vấn đề khác: đối với Nguyễn Văn Đ, là người ký xác nhận vào các văn bản thỏa thuận giữa anh Lê Văn S và Nguyễn Văn Th. Quá trình điều tra xác định: việc Nguyễn Văn Đ ký xác nhận vào các văn bản thỏa thuận là theo yêu cầu của anh S phải có người thân của Th làm chứng; Đ không trực tiếp nhận tiền, không hưởng lợi, không tham gia bàn bạc, thống nhất với Th về việc chiếm đoạt tài sản. Ngoài lời khai của Lê Văn S và Trần Xuân Q cho rằng Đ có tham gia chứng kiến việc thỏa thuận, không có chứng cứ nào khác thể hiện Nguyễn Văn Đ có vai trò đồng phạm. Nội dung các văn bản thỏa thuận cũng chỉ thể hiện Nguyễn Văn Th là người trực tiếp nhận tiền và thực hiện thỏa thuận. Kết quả đối chất giữa Đ với S và Q không khẳng định được việc Đ cùng Th chiếm đoạt tiền. Do đó, cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Văn Đ trong vụ án này là phù hợp.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn Th **12 (mười hai)** năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 17 (mười bảy) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 129/2024/HS-ST ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là **29 (hai mươi chín) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 3 năm 2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th bồi thường cho ông Lê Văn S số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: căn cứ Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 42.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- CQCSĐT Công an TP. Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ, Công an TP. Đà Nẵng;
- Trại giam An Đầm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Anh